

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 77-TC/TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 1996

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí quản lý Nhà nước
về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị**

- Căn cứ Điều 5, 6, 7 Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị và Điều lệ trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28/7/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí, lệ phí;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí quản lý Nhà nước về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Đối tượng phải nộp: Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (trừ những đối tượng được ưu đãi, miễn trừ ngoại giao nêu tại điểm 2, mục này) phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này khi được cơ quan quản lý Nhà nước về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ giải quyết các công việc sau đây:

- a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (dưới đây gọi chung là cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số);
- b) Tổ chức thi (bao gồm thi về Luật giao thông và thi thực hành tay lái) và cấp giấy phép lái xe cho người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có dung tích xi lanh trên 50cm³;
- c) Cấp giấy chứng nhận đã học Luật giao thông cho người điều khiển xe gắn máy có dung tích xi lanh dưới 50cm³, kể cả việc tổ chức thi hoặc kiểm tra học Luật giao thông (dưới đây gọi chung là cấp giấy chứng nhận học Luật giao thông).
- d) Cấp các loại giấy phép vận tải, giấy phép lưu hành, giấy phép cải tạo, giấy phép vào đường cấm, giấy ưu tiên qua phà, cầu phao.
- g) Duyệt thiết kế cải tạo, đóng mới, lắp ráp phương tiện; kiểm nghiệm phương tiện đã hoàn thành việc cải tạo, đóng mới, lắp ráp.

2. Đối tượng không phải nộp lệ phí: Các tổ chức, cá nhân nước ngoài được ưu đãi, miễn trừ ngoại giao quy định tại Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam không phải nộp lệ phí quản lý Nhà nước về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị quy định tại Thông tư này, bao gồm:

- a) Các cơ quan đại diện ngoại giao (Đại sứ quán của nước ngoài tại Việt Nam); cơ quan Lãnh sự (Tổng lãnh sự quán, Lãnh sự quán, Đại lý lãnh sự quán của nước ngoài tại Việt Nam); cơ quan đại diện của tổ chức Quốc tế thuộc hệ thống liên hợp quốc (gồm: Liên hợp quốc, các cơ quan trực thuộc Liên hợp quốc, các tổ chức chuyên môn của liên hợp quốc và cơ quan năng

lượng nguyên tử quốc tế); các cơ quan đại diện của tổ chức Quốc tế liên chính phủ hoặc phi chính phủ được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết với tổ chức đó.

b) Thành viên của các cơ quan nêu trên, bao gồm: thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao (viên chức ngoại giao, nhân viên hành chính kỹ thuật, nhân viên phục vụ và thành viên gia đình họ được hưởng ưu đãi miễn trừ); thành viên của cơ quan lãnh sự (viên chức lãnh sự, nhân viên lãnh sự, nhân viên phục vụ của cơ quan lãnh sự và thành viên của gia đình họ được hưởng ưu đãi miễn trừ); thành viên của cơ quan đại diện tổ chức Quốc tế thuộc hệ thống liên hợp quốc và thành viên gia đình cùng sống chung với họ thành một hộ được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; thành viên của các cơ quan, cũng như thành viên gia đình cùng sống chung với họ thành một hộ của đại diện tổ chức liên chính phủ hoặc phi chính phủ được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết với tổ chức đó.

Các đối tượng thuộc diện ưu đãi, miễn trừ ngoại giao nêu tại điểm này, phải xuất trình với cơ quan thu lệ phí hộ chiếu ngoại giao. Trong trường hợp không có hộ chiếu ngoại giao thì phải xuất trình giấy giới thiệu được Bộ Ngoại giao xác nhận thuộc đối tượng ưu đãi, miễn trừ trên cơ sở điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

II. MỨC THU:

1. Mức thu lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị như sau;

TT	Nội dung các khoản thu	Đơn vị tính	Tổ chức cá nhân Việt Nam	Tổ chức cá nhân nước ngoài
1	2	3	4	5
I	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số (tiết a, điểm 1, mục I, Thông tư này)			
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số (bao gồm cấp mới, cấp lại hoặc đổi loại khác) đối với:			
a	Ô tô, máy kéo, xe lam và các loại xe được cấp biển tương tự như ô tô	đồng/xe/lần	150.000	450.000
b	Xe cơ giới 2 bánh, 3 bánh	đồng/xe/lần	50.000	150.000
c	Sơ mi rơ moóc đăng ký rời, rơ moóc	đồng/xe/lần	100.000	300.000
2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký không kèm theo biển số (bao gồm cả việc đổi tên chủ sở hữu tài sản)	đồng/xe/lần	30.000	90.000
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kèm theo biển số tạm thời đối với ô tô, máy kéo, xe lam và các loại xe tương tự như ô tô (riêng	đồng/xe/lần	50.000	150.000

	xe gắn máy áp dụng mức thu quy định tại tiết b, điểm 1, mục I của biểu mức thu này)			
4	Đục lại số khung, số máy phương tiện	đồng/xe/lần	50.000	150.000
II	Lệ phí thi và cấp giấy phép lái xe (tiết b, c điểm 1, mục I Thông tư này):			
1	Dự thi để lấy giấy phép lái xe ô tô các loại, bao gồm:			
.	- Thi Luật giao thông đường bộ	đồng/lần	30.000	90.000
.	- Thi thực hành lái xe	đồng/lần	80.000	240.000
2	Dự thi để lấy giấy phép lái xe gắn máy có dung tích xi lanh trên 50 cm ³ , bao gồm:			
.	- Thi Luật giao thông đường bộ	đồng/lần	30.000	90.000
.	- Thi thực hành lái xe	đồng/lần	40.000	120.000
3	Cấp hoặc đổi giấy phép lái xe ô tô hoặc xe gắn máy	đồng/lần	30.000	90.000
4	Tiếp nhận và quản lý hồ sơ lái xe ô tô chuyển vùng	đồng/lần	10.000	30.000
5	Cấp chứng chỉ học Luật giao thông cho người lái xe máy dưới 50 cm ³	đồng/lần	10.000	30.000
III	Lệ phí quản lý xe cơ giới đường bộ (tiết d, g, điểm 1, mục I)			
1	Giấy phép vận tải hàng hoá, hành khách (kể cả hành khách du lịch); giấy phép sử dụng ô tô tập lái	đồng/giấy/ tối thiểu 6 tháng	30.000	90.000
2	Giấy phép xe ô tô vào phố cấm	đồng/Giấy	5.000	15.000
3	Giấy ưu tiên qua phà, cầu phao	đồng/giấy	30.000	90.000
4	Giấy phép lưu hành xe; giấy phép lưu hành đặc biệt	đồng/giấy	30.000	90.000
5	Giấy phép cải tạo xe	đồng/giấy	50.000	150.000
6	Duyệt thiết kế cải tạo, đóng mới, lắp ráp xe	đồng/lần/ mẫu	200.000	600.000